

Bản án số: 361/2024/DS-PT

Ngày: 09/7/2024

V/v “*Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất và lối đi*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất và lối đi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 339/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà F, Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Lê Văn S, sinh năm 1959. Địa chỉ: 66/1, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà G, Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1975.

2. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Số nhà F, Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1977.

4. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: C, Khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2: Ông Lê Văn S, sinh năm 1959. Địa chỉ: 66/1, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Huỳnh Thị Hồng V, sinh năm 1978.

6. Nguyễn Nhật H, sinh năm 1997.

7. Nguyễn Nhật T3, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Số nhà G, Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh L, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số I A thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ C là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, khởi kiện bổ sung ngày 21/5/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng P là ông Lê Văn S1 bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị T4 mẹ ruột của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mỹ C1 bà T năm 1984 và bà T sử dụng từ đó đến nay. Sau đó được nhà Nước cấp giấy lần đầu năm 1988 đến năm 2010 cấp đổi lại theo quy định cho hộ bà T, lúc cấp giấy chứng nhận thì không biết bà C có ký xác định ranh không vì lúc nhà nước xuống đo và cấp giấy cho bà T và các hộ xung quanh đó. Không ai có tranh chấp đất với ai nên đất bà T được cấp đúng theo quy định. Khi bà C về cất nhà trên đất hiện nay cũng không có tranh chấp. Khoảng năm 2020 thì phát sinh tranh chấp vì bà C cho rằng lối đi này là của bà C và bà C đề đồ đạc trên đất như củi, lu khạp, bà T yêu cầu di dời nhưng bà C không đồng ý. Nay bà T yêu cầu xác định ranh đất giữa bà T với bà C là đường ranh từ mốc M6, D, C, B, A, M2 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu bà C có nghĩa vụ di dời vật kiến trúc, nhà, và vật dụng trên đất trả lại diện tích tranh chấp là 22,1m² từ các mốc M2, A, B, M4, M15, M16, M3 về M2 theo sơ đồ đo vẽ ngày 16/11/2022 của chi nhánh V2 đăng ký đất đai huyện L, đất thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 37 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị T. Nếu phần nhà bà C không di dời thì yêu cầu bà C trả giá trị đất cho bà T. Còn phần bà nhà bà T nếu Tòa xác định đất của bà C thì bà T trả giá trị đất lại cho bà C.

Bà T thống nhất kết quả đo đạc, định giá ngày 16/11/2022 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay không có thế chấp ở đâu.

- Bị đơn Nguyễn Thị C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ruột bà T, bà C là bà Nguyễn Thị T4 cho bà C năm 1980, sử dụng từ 1980 đến năm 1990 xây dựng lại rồi đến năm 2005 xây dựng nhà như hiện nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2012 từ ông Nguyễn Kế T5, Nguyễn Thị Cà t cho bà C năm 2012. Lúc cấp giấy thì không có bà T xác định ranh mà chỗ ông T5 ký xác định ranh. Nay qua yêu cầu của bà T bà C không đồng ý. Bà C xác định ranh giữa bà T với bà C là từ mốc M3, M4, M5, M6 còn từ mốc M3, M16, M15, M4, quay về M3 là lối đi chung có từ trước đến nay không của ai. Bà C đồng ý di dời vật dụng trên lối đi chung này để làm lối đi chung chứ không đồng ý của bà T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp tại quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung. Nếu Tòa án xác định ranh đất của ai thì tự động di dời, nếu không di dời thì trả giá trị theo quy định.

Bà C thống nhất với sơ đồ đo đạc và định giá ngày 16/11/2022 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng V1 trình bày: Thống nhất ý kiến bà C, không trình bày gì thêm.

- Đối với Quỹ tín dụng nhân dân L1 có văn bản ngày 25/8/2023 trả lời công văn của Tòa án: Hiện bà Nguyễn Thị Mỹ C có thế chấp thửa đất số 65 tờ bản đồ số 37 đứng tên Nguyễn Thị Mỹ C để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân L1 nhưng hiện nay bà C chưa vi phạm nghĩa vụ vay vốn này, và diện tích tranh chấp giữa bà C, bà T không lớn nên không ảnh hưởng đến hợp đồng vay vốn trên nên Quỹ tín dụng nhân dân L1 không khởi kiện hay tranh chấp gì trong vụ án này. Khi hợp đồng của bà C đến hạn và bà C vi phạm nghĩa vụ vay vốn thì Quỹ tín dụng nhân dân L1 sẽ khởi kiện bà C theo quy định.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Nhật H, Nguyễn Nhật T3, người làm chứng Phạm Văn H1, Bùi Thị Kim H2 vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/7/2023 cũng như vắng mặt tại các lần mở phiên tòa không có ý kiến.

Tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Thị C2 khai: Bà C2 là vợ của ông Nguyễn Kế T5 chị dâu bà C. Nguồn gốc đất trước đây là của mẹ là bà Nguyễn Thị T4 cho bà C nhưng ông T5 đứng giấy chứng nhận và tặng lại cho bà C vào

năm 2012. Khi cho và cấp giấy có ông T5 chỉ ranh đất. Lối đi mà hiện nay bà C trình bày và yêu cầu là lối đi chung có từ trước khi cho bà C nhưng hiện nay thì hộ bà C2 không có đi qua lối đi này chỉ có chỗ bà T và bà C đi. Bà C2 không tranh chấp lối đi này nhưng xem xét yêu cầu bà C để cho bà C được sử dụng lối đi này vì đây là lối đi chung.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của hộ bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 và chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ C về xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Mỹ C.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 78 tờ bản đồ số 37 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị T và thửa 65, tờ bản đồ số 37 đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ C là đường thẳng nối từ các mốc E-B-C-D-M6 theo sơ đồ đo đạc số: 118/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ, ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dỡ di dời.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc yêu cầu được sử dụng lối đi của hộ bà Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt Huỳnh .

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt Huỳnh di dời vật dụng lu khạp, củi, mái che cao su, các vật dụng khác có trên đất trả cho hộ bà Nguyễn Thị Thê Nguyễn Hoàng P1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 diện tích 20,4m² từ các mốc E-B-M4-M15-M16-M3 về E theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tuyên trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37 và thửa 65, tờ bản đồ số 37(có sơ đồ đo đạc 118/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ, ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, biên bản thẩm định ngày 16/11/2022 kèm theo bản án này).

3. Về án phí và chi phí thẩm định:

+ Về án phí: Buộc Nguyễn Hoàng P1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Buộc Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

+ Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt H phải hoàn trả cho Nguyễn Thị T chi phí thẩm định, định giá là 3.391.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 27/11/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ C kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của bà về câu hỏi đi, bà không đồng ý giao đất đi cho bà T vì đất này còn trong phần đất của bà và bà yêu cầu thẩm định lại để xử cho bà đúng với diện tích mà bà được cấp giấy.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ C là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Nguyễn Thị Mỹ C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 78 của hộ bà Nguyễn Thị T là của mẹ ruột bà T, cũng là mẹ bà Nguyễn Thị Mỹ C, là bà Nguyễn Thị T4 cho bà T năm 1984 và hộ bà T sử dụng từ đó đến nay; sau đó được Nhà nước cấp giấy năm 1988 cấp đổi năm 2010. Còn thửa 65 cũng là của bà T4 cho bà C vào năm 1980 và hộ bà C sử dụng đến nay.

Bà T cho rằng ranh giới giữa bà T và bà C trước nay không có gì làm ranh nhưng hiện trạng là có một mốc là cột hàng rào nhà được bà T xây dựng từ trước đến nay tại mốc B theo sơ đồ, khi bà T xây cất nhà và tháo dỡ xây lại hiện trạng như ngày nay thì bà C không có tranh chấp theo hiện trạng nhà cũ nhưng khi bà T xây dựng nhà mới như hiện nay thì bà C có tranh chấp. Bà T cho rằng ngôi nhà mới này cũng xây dựng từ vị trí cũ cái sân sau của bà T và vẫn giữ mốc B như hiện trạng. Còn lối đi trên diện tích từ mốc M3, M14, M15, M16 về M3 đây là phần đất được Nhà nước cấp giấy nằm trong đất của bà T, nay bà C để đồ đạc trên đất và cho rằng lối đi chung là không đúng nên yêu cầu di dời. Bà C cũng cho rằng khi bà C cất nhà và bà T xây cất hiện trạng ngôi nhà cũ cả hai đều không có ngăn cản hay tranh chấp nhưng cả hai đều yêu cầu phải tháo dỡ di dời nhà trả lại diện tích tranh chấp trên là chưa hợp lý, ngoài ra bà C cho rằng phần diện tích tranh chấp hiện nay bà C sử dụng làm lối đi chung từ trước đến nay và diện tích này còn nằm trên diện tích đất của bà Nguyễn Thị C2 nên yêu cầu được tiếp tục sử dụng làm lối đi không đồng ý trả lại cho bà T. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và bà C và người làm chứng Nguyễn Thị C2 đều xác định ngoài bà T và bà C ra thì không còn hộ nào sử dụng lối đi này, đây không phải là lối đi duy nhất của bà C, hơn nữa tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2022 chủ sử dụng đất liền kề là bà Nguyễn Thị C2 đã xác định ranh đất giữa thửa đất đang tranh chấp với thửa đất của bà C2 là M16, M15, M14, M13 theo ranh đất của bà T có đủ chứng cứ phần đất này không nằm trên diện tích đất của bà Nguyễn Thị Cà .1 Cho nên việc bà C cho rằng diện tích này của Nguyễn Thị C2 và yêu cầu sử dụng làm lối đi chung là không có cơ sở.

Mặt khác, xét quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất thửa 78 của bà T, cấp lần đầu năm 1988, cấp đổi năm 2010 diện tích là 159,5m². Khi đo đạc thực tế thì thửa đất 78 là 154,2m² (chưa cộng phần tranh chấp), thửa 65 có diện tích là 62,2m² đo đạc thực tế là 56,5m² (chưa cộng phần tranh chấp). Thực tế đo đạc cho thấy thửa 78 của bà T và thửa 65 của bà C đều thiếu so với giấy chứng nhận được cấp. Còn nếu cộng phần đất tranh chấp vào thì cả hai đều dư cụ thể của bà T dư 4,1m² của bà Châu dư 3,7m². Trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành áp thửa đối với sơ đồ đo đạc lên giấy chứng nhận đã cấp của bà T và bà C tại thời điểm cấp đổi lại cho thấy phần diện tích tranh chấp nằm trên phần đất của bà T. Nhưng việc áp thửa cũng như đất thiếu, thửa của các bên chưa xác định là do ai lấn ai. Cụ thể tại Công văn số 378/CV-TA, ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L trả lời rằng việc cấp giấy của thửa 78 và thửa 65 đều có đo đạc thực tế và tại thời điểm cấp đất không có ai tranh chấp hay ngăn cản, hơn nữa việc cấp giấy cho

bà T có bà C ký xác định ranh thể hiện tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2004. Còn việc cấp giấy của bà C thì không có hồ sơ kỹ thuật nên không thể hiện có bà T ký xác định ranh. Chỉ số dư thiếu của các bên về phần xác định ranh đất không lớn so với giấy đã cấp. Do đó xác định có sự chênh lệch chỉ số đo đạc giữa các lần cấp giấy và đo đạc thực tế. Do đó, không thể căn cứ vào việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu thừa của các bên để xác định ranh mà căn cứ vào quá trình sử dụng đất để xác định ranh đất cũng như xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai, như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp.

Bà T, bà C cho rằng đất của bà T, bà C thiếu so với giấy chứng nhận được cấp, nhưng xét thấy nếu cộng phần đất tranh chấp cả lối đi thì đất cả hai đều dư so với thực tế. Quá trình này xảy ra tranh chấp khi bà T xây cất nhà mới như hiện trạng nhưng thực tế các bên sử dụng đất ổn định từ lúc cha mẹ cho đất và được cấp giấy năm 1988 cấp đổi năm 2010 của bà T, cấp năm 2012 của bà C trong đó khi bà C xây dựng nhà và bà T xây dựng nhà cả hai đều không ngăn cản hay tranh chấp, thời điểm tranh chấp chỉ sau này khi bà C để vật dụng lấn chiếm lối đi vào nhà của bà T. Nay bà T cho rằng đất thiếu và xác định vào vách nhà của bà C là chưa đủ cơ sở và bà C xác định vào phần nhà của bà T yêu cầu di dời cũng chưa đủ cơ sở.

Từ những phân tích như, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu của hộ bà Nguyễn Thị T, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mỹ C, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất 78 và thửa 65 là đường thẳng nối từ các mốc E-B-C-D-M6; chấp nhận yêu cầu về việc yêu cầu hộ bà C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhật H, Nguyễn Nhật T3 di dời vật dụng như củi, lu khạp trên diện tích 20,4m² để bà T sử dụng; không chấp nhận yêu cầu của bà C về xác định ranh giới là sử dụng lối đi trên diện tích 15,2m² từ các mốc M3, M4, M15, M16 về M3; buộc bà C di dời vật dụng có trên diện tích từ các mốc E-B-M4-M15-M16-M3 về E cho hộ bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 sử dụng là có căn cứ và phù hợp thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà Nguyễn Thị Mỹ C cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà C là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và

không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: bà C được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 472,482 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ C.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của hộ bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Hoàng P1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 và chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ C về xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Mỹ C.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 78 tờ bản đồ số 37 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị T và thửa 65, tờ bản đồ số 37 đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ C là đường thẳng nối từ các mốc E-B-C-D-M6 theo sơ đồ đo đạc số: 118/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ, ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dỡ di dời.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc yêu cầu được sử dụng lối đi của hộ bà Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt Huỳnh .

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt Huỳnh di d vật dụng lu khạp, củi, mái che cao su, các vật dụng khác có trên đất trả cho hộ bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Hoàng P1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 diện tích 20,4m² từ các mốc E-B-M4-M15-M16-M3 về E theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc 118/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ, ngày 16/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, biên bản thẩm định ngày 16/11/2022 của Tòa án huyện L).

3. Về án phí và chi phí thẩm định:

+ Về án phí: Buộc Nguyễn Hoàng P1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thanh T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ C được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Buộc Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

+ Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Nhựt T3, Nguyễn Nhựt H phải hoàn trả cho Nguyễn Thị T chi phí thẩm định, định giá là 3.391.000 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy